

# NIẾT BÀN TRONG TRUNG QUÁN LUẬN

Gs Trần Ngọc Ninh

---o0o---

*Nguồn*

*<http://thuvienhoasen.org>*

*Chuyển sang ebook 18-7-2009*

*Người thực hiện : Nam Thiên – [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)*

*[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)*

---o0o---

Trung-quán-luận hay Trung-quán Ngâm khúc (Madhyamaka-káriká) là một tập thơ của Nàgàrjuna để giảng Giáo lý của đức Phật. Tập thơ viết vào khoảng thế kỷ II sau KT, đã được Kumarajiva (Cưu-ma-la-thập) dịch Hán văn và gần đây được T.toạ Thích Viên Lý dịch sang Việt văn. Huyền Trang đời Đường gọi Nàgàrjuna là Bồ-tát Long-thọ. Trung-quán-luận là triết lý mở đầu Phật giáo Đại thừa, tức là Bồ-tát thừa.

Bài dưới đây trích từ một cuốn sách sẽ xuất bản.

Phẩm XXV (Quán Niết-bàn, Nirvāna Parikṣa) tiếp theo Quán Thánh-đế để giảng về Niết-bàn như một sắc thái hiện thực được của Chân-đế.

Niết-bàn hay Nát-bàn (Nibbāna, Nirvāna) là một cõi ản (với nghĩa là không hiển hiện) mà chỉ có những ai đã được Chính đẳng Chính giác và thành Phật, hay ít ra đã rời bỏ được hết các phiền trược (ràng buộc), đoạn diệt được tham ái, không còn hệ lụy bởi những lậu hoặc, mới thấy và nhập vào được. Trong Niết-bàn, không có sự khổ đau, không có sự biến hoại, không có sự giao động, không có sự sống chết.

Niết-bàn là Cõi ngoài Cõi Ta-bà (Samsāra) và là Chân không. Ta-bà Samsāra là cõi ta đang sống ở trong, được định bằng ba tính (Tam-tướng, Trilaksana): vô thường, khổ đau, vô ngã, trong đó sự sống và sự chết đi theo những vòng gọi là “luân hồi” mãi mãi không thôi.

Đạo Phật là con đường với một Giáo pháp để sống và tu tập, khởi thủy với mục đích là thoát ra ngoài Cõi Samsàra và nhập được vào Cõi Nibbàna, Nirvāna.

Nàgàrjuna đã thu tất cả cõi Samsàra, tức là thế giới như chúng ta đang sống, thấy và biết, trong một chữ Không. Không cũng là điều kiện tiên quyết để ta có thể từ cõi Samsàra hiện sinh chuyển sang cõi Nirvāna (Niết-bàn).

Nay ta theo lời giảng của Nàgàrjuna về Niết-bàn.

Tôi bỏ khúc 1 là lời trách của đối phương và bắt đầu ngay với lời của Nàgàrjuna:

2. Nếu vạn pháp không Không  
Tất không sinh, không diệt,  
Đoạn trừ gì, bỏ gì,  
Để Niết-bàn được nhập?

(Vi vạn pháp trong cõi hiện sinh là Không và có sinh có diệt nên mới có thể có được Bát Chánh Đạo để diệt khổ và giải thoát con người vào cõi Niết-bàn).

Có sinh có diệt đồng nghĩa với vô thường. Không là không có tự tính tự hữu, không có ngã, và vì thế cũng đồng nghĩa với vô thường.

Đoạn trừ gì? Đoạn trừ tham, sân, si; đoạn trừ sự tham ái.

Phá bỏ gì? Phá bỏ các chấp kiến; phá bỏ các phiền trược (ràng buộc). Không tạo nghiệp.

Sự đoạn trừ và phá bỏ là điều kiện cần thiết nhưng chưa đủ để nhập Niết-bàn. Sự tu hành còn đòi hỏi giới, định, tuệ.

Niết-bàn là gì?

3. Không bỏ cũng không đạt,  
Không đoạn cũng không thường,  
Không sinh cũng không diệt,  
Đó là cõi Giải thoát.

(Niết-bàn là phiên âm Pàli và Sanskrit-ngữ. Hán văn gọi là cõi Đoạn diệt hay cõi Giải thoát).

Ba câu đầu là ba cặp định tính (attributs), đối nghịch nhau. Cả sáu định tính kể ra đều là Không cả. Niết-bàn là cõi không thể tả được. Tính từ, trạng từ của ngôn ngữ là để tả những tính cách (qualité) hay định tính (attribut) tương đối và có thứ bậc. Niết-bàn là “cái” không tính từ, trạng từ, vì ra ngoài mọi sự đối đãi hay so sánh:

Không rời bỏ, lẽ ra thì là đạt, là đến là tới; nhưng cũng không đạt, không đến, không tới;

Không cắt đứt (đoạn diệt) lẽ ra thì là thường tại, thường hằng; nhưng cũng không thường.

Không sống lẽ ra thì là chết, không sinh lẽ ra thì là diệt; nhưng cũng không diệt, không chết.

Niết-bàn là “cái” không thể tả ra được bằng lời. Nhưng có Niết-bàn hay không có Niết-bàn? Nàgàrjuna trình bày sự biết của Ông trên nhiều khía cạnh, mỗi cạnh với bốn câu hỏi, trong mười bốn khúc ca ngâm (4-18) mà tôi chia ra như sau để cho rõ nghĩa (Chúng sinh: theo Cru-ma-la-thập).

4. Niết-bàn không hiện hữu (abhàva):

Hiện hữu thì già chết

Không có gì hiện hữu

Thoát được sự lão diệt.

5. Nếu Niết-bàn hiện hữu (bháva)

Thì là pháp do duyên (C: hữu vi)

Hiện hữu không do duyên (C: Hiện hữu không hữu vi)

Pháp ấy chưa đâu thấy.

6. Nếu Niết-bàn hiện hữu,

Thì sao không tương liên?

(C: Không thụ chấp)

Hiện hữu không tương liên,

(C: Hiện hữu không thụ chấp)

Pháp ấy chưa đâu thấy.

Ba khúc này (4-5-6) giảng về sự không hiện hữu của Niết-bàn. Niết-bàn không hiện hữu vì ba điều hay ba lý do:

1. Cái gì hiện hữu thì có biến hoại, nghĩa là có già, có chết (có thành cũ, rồi bị hủy diệt), mà Niết-bàn thì không biến hoại;
2. Cái gì hiện hữu đều do nhân do duyên sinh khởi, Hán văn dịch là “hữu vi” nghĩa là có cấu tạo, mà Niết-bàn thì không do duyên sinh, tức là vô vi, vô cấu (ba từ ngữ này đồng nghĩa);
3. Cái gì hiện hữu đều tương liên, tương đối, Hán văn dịch là thụ (thọ) chấp, với nghĩa là “lãnh thụ và chấp thủ”.

Sự dịch ba khúc này có những khó khăn đặc biệt, trước hết vì ngôn từ triết lý cổ ấn và Phật giáo (sanskrit-ngữ) rất khúc mắc, và ngôn từ Hán văn của Cưu-ma-la-thập lại cô đặc đến độ tối nghĩa. Nàgàrjuna dùng từ / bhava /, Hán văn dịch là /hữu/, /coming to be/. Thích Viên Lý dịch là /thật hữu/, tôi dịch là /hiện hữu/ không có một từ dịch nào đúng với sanskrit /bhava/ cả.

Trong câu thứ ba của mỗi khúc, Nàgàrjuna dùng từ /bhavo/. Bhavo/ là danh từ, còn /bhava/ là cận danh từ (adjective, ngữ pháp cổ gọi là tính từ, hình dung từ, trạng từ). Cưu-ma-la-thập dịch là /hữu pháp/. Anh văn dịch là /existent entity/. Là sát theo ngữ pháp. Tôi dịch là /hiện hữu/ nếu là văn xuôi thì tôi để vạch nối; hay viết liền /hiện hữu/ nếu là sách triết chuyên môn; nhưng vì dịch thơ nên tôi bỏ vạch nối; vị trí của /hiện hữu/ trong câu là vị trí danh từ, tiếp theo câu sau lại có danh từ /pháp/, tôi nghĩ rằng đủ để các độc giả nhận /hiện hữu/ ở câu ba là danh từ.

Lại có hai từ /abhavo/ và /abhava/ trong sách MMK của Nàgàrjuna. Đầu phần [a-] nghĩa là ‘không’ Hán văn dịch là /vô/ trước một danh từ và /bất/ trước một cận từ, nhưng có khả năng thu lại là /vô/ khi là /vô hữu/. Việt ngữ dịch là /không hiện hữu/ khi là cận từ (adjective) hay động từ (verb) và vô hiện hữu khi là danh từ (noun), trừ khi theo sát Hán văn. Nhưng Hán văn, dịch là /hữu/ và /vô hữu/, không thể phân biệt giữa /be/ và /exist/ hay /become/ là những từ đối nghịch trong ngôn ngữ thông thường và hoàn toàn trái ngược nhau trong ngôn ngữ triết học. Anh văn dịch /abhava/ là /non-existent/ và /abhavo/ là /non-existent entity/. /Non-being/ (Pháp: non-étant hay no-être) hoàn toàn khác.

Ở nhiều phần trên ta lại đã thấy /svabhava/ ‘tự hữu’ ‘tự tính’, (self-nature, essence).

Đi sâu hơn nữa vào vấn đề Niết-bàn và Chân đế (Đệ Nhất Nghĩa đế), sự khó khăn sẽ lớn dần thêm nữa vì Việt ngữ chỉ mới được dùng vào triết học trong một thời gần đây và chưa có được một triết gia nào đáng kể trong lịch sử tư tưởng của thế giới, nên ngôn ngữ có phần yếu kém.

Tôi dịch lại sáu khúc đầu (1-6) thành văn xuôi cho rõ nghĩa và giảng thêm về triết lý Phật giáo cùng với triết lý Nàgàrjuna.

Nàgàrjuna đối diện với người công kích thuyết Không tính. Cả hai ở trong thế giới hiện sinh mà tất cả chúng ta cũng đang, cùng đang lặn ngụp, ăn làm, xoay sở, cười đùa, vùng vẫy, lo lắng, sợ hãi, vật lộn, cho đến khi hai tay buông xuôi. Đây là cõi Sa-bà (Ta-bà - mà đạo Phật gọi là Samsara (cõi Luân hồi) ta tạm coi là cõi đời. Báo chí, tivi cho ta thấy một số lật vạt và vụn vạt những chuyện và hình ảnh hằng ngày của Sa-bà địa, nhưng quan trọng hơn với ta là những ồn ào náo nhiệt của chợ búa, đường sá và của nội tâm ta. Mắt ta thấy, tai ta nghe, lòng ta giao động. Ta lảng quăng trong thành phố nhưng nhúc, với cái cảm tưởng rằng mình tự do như con bọ gậy trong vại nước, hay một hạt bụi bị xô đẩy bởi các đụng chạm với các phân tử trong một vũng đục.

1. Người đối thủ nói:

Niết-bàn là cõi Đoạn diệt, đó là nghĩa từ nguyên của chữ Nibbàna mà chính đức Phật đã dạy. Nhưng mà đoạn diệt cái gì, khi tất cả đều Không và không sinh không diệt như ông nói?

2. Nàgàrjuna trả lời, dùng đúng câu nói của đối thủ chỉ đổi đi một chút. Niết-bàn là cõi Đoạn diệt, như đức Phật dạy. Nhưng mà đoạn diệt cái gì nếu tất cả không là Không và không sinh không diệt như ông nghĩ? [“Không” là không có tự tính và được sinh ra trong những hoàn cảnh gọi là “nhân duyên”. Vì có sinh ra nên mới có mà diệt đi. Vì hễ có sinh thì phải có diệt, nên mới có thể diệt được: hoặc là diệt khi chưa sinh, không cho sinh, bằng cách cắt đứt các nhân duyên (tham, sân, si, tham ái) và không tạo nghiệp (giới luật/vô-vi), hoặc là rập tắt khi mới chớm]. Ông hãy nghe tôi nói cho ông biết về cảnh Niết-bàn.

3. Niết-bàn là cõi Không – luân hồi (Không Hiện sinh, vô- Samsara). Cái gì Cõi luân hồi là, cái ấy Cõi Niết-bàn không là. Trong cõi Niết-bàn, không có sự từ bỏ, cũng không có sự đạt tới (Cưu-ma-la-thập: không có sự chứng đắc, cũng không có sự đạt đến”); không có sự dứt đoạn, cũng không có sự hủy diệt. Ba cặp niệm trong cõi đời hiện hữu, hiện sinh. Cõi Niết-bàn không có những đối nghịch ấy.

[Sự từ bỏ và sự chứng đắc là hai mục tiêu đối nhau của đời sống, trong đó có sự tu hành cũng như các ước nguyện khác, như thi đỗ làm quan hay thu tài

lộc làm giàu. Trong Niết-bàn, không có sự tham ái, kể cả sự cầu đạo; Giáo lý là cái bè đã được bỏ ở ngoài bờ.]

Đoạn và thường là hai chấp kiến đối nghịch của trí thức trong cõi hiện sinh. giữa hai cực đoạn ấy, tâm trí người ta giao động với những lo sợ và ước mong. Ngày mai sẽ biến loạn hay an bình? Năm nay liệu trời có yên lành hay lại mưa nắng thất thường gây ra nhiều tai họa cho người, vật và mùa màng? Và câu hỏi tối hậu: người ta chết là hết, hay vẫn còn và còn phải chịu những hình phạt hay tưởng tượng về những việc làm khi còn sống? Trong cõi Niết-bàn, đoạn hay thường đều trở nên vô nghĩa trước sự ê mả của tâm hồn không ước ao, ghen tị, mở rộng với đất trời, cây cỏ, không phân biệt cái dụng với cái thể, cái lợi với cái hại, không coi nhẹ sự mềm mại của cọng sen trắng trước sự hùng vĩ của ngọn núi cao ngất trời xanh.

Trong Cõi đời, hễ có sinh thì có tử, không có một tế bào hay một con người nào đã có sống mà không sẽ chết, không có vật chất nào có thành mà không biến hoại và tiêu tan. Và với mỗi sinh biệt tử li, là con người có tình, làm sao tránh khỏi những đau thương nhớ tiếc. Trong cõi Niết-bàn, mười một chiều vật lý tương đối đã bị xóa nhòa, bốn năng lượng căn bản của vũ trụ được hợp làm một, sự sống muôn màu là những dòng đời liên tục đan kết vào nhau không đứt đoạn cho đến vô tận vì thời gian tràn ngập mà vô hướng; tình yêu độc cực và ô nhiễm bởi ngã mạn chỉ còn là đông rơm rác héo khô đã trút bỏ ở cõi xưa, vì ở đây chỉ có những tâm Bồ-đề trong suốt mở rộng cho tất cả và mỗi chúng sinh còn bị trói buộc trong vòng tranh đấu với lo sợ và khổ đau. Ở đây, có sự hạnh mà không có sự ham, kể cả sự ham cái hạnh của Giải thoát, một sự hạnh vô biên vô cùng, không có lời để tả vì không giới hạn trong năm uẩn và không có dấu vết của thời gian. Sự mỹ diệu của cái thực, gột sạch hết những u ám của tính hữu dụng và trị giá tiền bạc, vượt lên trên các giả tạo ảo huyền tinh vi và tài tình nhất của văn minh. Sự tử sinh không có vì không có sinh nên không có tử, người ta chỉ gõ vào góc ngọc lan mà nói rằng con hồ điệp bữa qua nay đã thành ông Trang Châu đang lượn trong gió ở bể Bắc].

4-5-6. Cõi sống của ta, loài người, và của chúng sinh là thuộc về Samsara (cõi Luân hồi). Nói theo đời nay, thì là sinh cầu của trái đất (Biosphere), gồm tầng ngoài cùng của vỏ địa cầu và tầng dưới cùng của khí quyển bao quanh quả đất.

Khi trái đất mới thành thì còn nóng quá nên không thể có được sự sống. Theo khoa học hiện đại, sự sống bắt đầu có vào cuối thời tiền – cambrien

(pre-cambrian) dưới những hình thức nguyên sinh mà nay ta chưa biết rõ, chủ yếu... có lẽ là những dây DNA (Deoxyribonucleic acid), từ đó thành những tế bào đơn độc, rồi biến đổi, trong những điều kiện dị biệt của mặt đất, thành những thực vật và động vật của ngày nay.

Bằng cách nào sự sống phát khởi? Đức Phật dạy rằng khởi thủy là Vô minh, tôi hiểu là sự Hồn mang Nguyên thủy, từ đó duyên Hành, và ở đây tôi hiểu là cái đặc sự (singularity) tạo ra sự sống ở mặt đất. Trong một Kinh (Patikasutta, K. Balê, Digha-nikaya 24: 15-17), đức Phật giảng rằng sự sống từ một thế giới khác đang co rút (chuyên hoại) di cư đến đây. Các nhà sinh hóa học Tây phương xưa nghĩ rằng trong đồng bùn lầy ựa ra từ các núi lửa, những đụn chạm vô số của các phân tử đã làm thành một chất nguyên sinh. Nhưng gần đây, người ta đã ngã sang giả thuyết rằng sự sống có một nguồn gốc ngoài địa cầu, và được đưa đến mặt đất bởi một hòn thiên thạch người ta gọi là “sao băng”. Một phi thuyền hiện đang đi dò xét hành tinh Mars (mà ta gọi theo Trung quốc một cách rất sai lầm là “Kim tinh”) để hy vọng khám phá ra một bằng chứng cho giả thuyết này.

Samsara như vậy là có một khởi thủy. Thành hình trong sự vận xoay của mặt trời, nó đã là chỗ để chúng sinh ở đậu và biến hình biến dạng thành ngàn vạn loài, ăn lẫn nhau mà sống. Trong vũ trụ, nó chỉ là một cục vật chất đã được vê tròn để cho quay dưới sức hút của nhật cầu, theo những định luật thiên cơ mà Newton đã khám phá ra. Nhưng mặt khác, nó đã thành quả đất “của” loài người và về phương diện ấy, Samsara và tất cả những gì trong cõi Samsara đều theo luật của đức Phật (vô thường, đau khổ, vô ngã) mà Nàgàrjuna viết lại là:

1. Hoại diệt (lão tử) (khúc 4)
2. Duyên sinh (hữu vi) (khúc 5)
3. Tương liên (thụ chấp) (khúc 6)

Không cần phải nói, chúng ta hiểu rằng ba điểm của Nàgàrjuna đồng trị và đồng nghĩa với ba điểm của Thế Tôn và cả sáu điểm làm cho Samsara là cõi hiện hữu, hiện sinh và hiển hiện.

Nirvāna (Niết-bàn) là cõi Không-Samsara. Nirvāna là cõi:

1. Không hoại diệt (khúc 4)
2. Không duyên sinh (khúc 5)
3. Không tương liên (khúc 6)

Tức là cõi không vô thường, không đau khổ, không vô ngã, và không hiện hữu.

Không hoại diệt hay không già chết (lão tử) chỉ là một cách khác để nói rằng Niết-bàn không vô thường, và vì thế không khổ đau.

Không duyên sinh là ở ngoài vòng nhân duyên. Người ta biết và khoa học đã lập những thuyết<sup>i</sup> khả tin ở ngoài sự sáng thế bởi một Đấng hóa công rằng thế giới đã khởi sinh rồi thành và rồi sự sống đã bắt đầu và biến hóa với những nhân, những duyên tuy dị thường nhưng không phải là siêu nhiên thần bí. Vũ trụ và thế gian thì thế, nhưng Niết-bàn thì không có nhân, có duyên, không có cấu tạo (vô vi) vì rằng không vô ngã, không vô tự tính.

Không tương liên nghĩa là tự tại, tự chứng, có mà không phải dựa vào cái gì khác ở ngoài mà có; tất cả những gì ở trong cũng tự nhiên tự có chứ không có vì một lý do gì, nhưng là lợi ích cho tự ngã hay sinh mệnh của ai trong cõi hiện sinh. một bông hồng là một bông hồng là một bông hồng chứ không phải là một tặng vật hay một món trang sức. Một dòng sông là một dòng sông và không còn là một con đường biết đi. Và các sao trên trời có thể lấp lánh như những hạt kim cương trên những mắt của lưới Indra làm thành bằng những siêu thăng năng lượng mà không còn bị lợi dụng vào việc bấp số cho những người cầu tài cầu lợi<sup>ii</sup>

7. Niết-bàn không hiện hữu  
Hẳn cũng phải không hữu?  
Niết-bàn không hiện hữu  
Cõi Niết-bàn không Không.

8. Niết-bàn nếu không hữu,  
Sao thế không tương liên?  
(C: không thụ chấp).  
Cái gì không tương liên  
(C: không thụ chấp)  
Không thể nào vô hữu.

9. Cái gì đến và đi  
(C: sinh và diệt)  
Đều duyên sinh biến hoại  
Không do nhân do duyên  
Niết-bàn là chính cõi.



Ba khúc này (7-8-9) bề ngoài có vẻ như nghịch với ba khúc trên (4-5-6) nhưng thực ra vẫn nối tiếp sự biện luận trước. Ba khúc trên xoay quanh sự nhận xét rằng Niết-bàn là cõi không hiện hữu nên (vì) không hoại diệt, không duyên sinh, không tương liên. Ba khúc sau nói rằng Niết-bàn không tương liên, không duyên sinh, không biến hoại nên là Cõi không Không, vì cõi hiện sinh Samsara là cõi Không (không tự tính). Niết-bàn, cõi không Không, là cõi thực hữu.

7. Nàgàrjuna mở đầu bằng sự chọi hai tính cách của Niết-bàn, với hai từ ngữ: sự hữu và sự không hiện hữu. Hai câu đầu.

Niết-bàn không hiện hữu

Hắn cũng phải không hữu.

Là Nàgàrjuna giả danh đối thủ luận rằng “Niết-bàn không hiện hữu, chắc hẳn là vì không có Niết-bàn”. Đó là ý nghĩ tự nhiên của người thường, chỉ tin rằng cái gì mình thấy được, nắm được, thì mới là có thực. Chẳng hạn như mùi hương của bó hồng, họ không biết rằng đó là vật chất cho đến khi khoa học cân được khí hương. Còn như lương tâm của con người ta, tuy rằng không ai thấy và khoa học chưa bao giờ cân được, nhưng đã làm người thì ai cũng có ít nhiều. Ấy là ta hy vọng như thế! Nàgàrjuna khẳng định ngay rằng Niết-bàn không hiện hữu, nhưng không thể không có. Samsara có hiện hữu và là Không (không có tự tính) còn Niết-bàn thì không hiện hữu và không Không.

8-9. Nàgàrjuna tiếp tục chứng minh rằng Niết-bàn không phải là vô hữu. Nếu vô hữu thì làm sao Niết-bàn có thể không tương liên, ở ngoài mọi tương đối trói buộc. Không có một cái gì không tương liên mà lại có thể vô hữu.

Cũng vậy, tất cả những gì có đến có đi, có sinh có diệt, tức là tất cả các pháp trên đời, đều duyên sinh (có nhân, có duyên, và dựa vào nhau) và đều biến hoại (có lão, có tử và bị đào thải, tiêu diệt).

Niết-bàn và tất cả những gì trong cõi Niết-bàn đều ở ngoài vòng nhân duyên nên không có sự tương liên tương đối và không có sự sinh sự tử; vì lẽ ấy cũng không có sự tái sinh và luân hồi. Niết-bàn không hiện hữu và là cõi vô sinh.

Garfield đưa ra một cách hiểu khác về khúc 9

9. (dG)- Cái gì đến và đi  
Là tương liên biến hoại  
Khi không liên không biến,  
Niết-bàn chính là cõi. (dG).

Theo Garfield thì hai câu trên nói về cõi Samsara (và tất cả chúng ta có lẽ đều đồng ý nếu không chống đối Phật giáo quan đến triết đề rằng trên cõi Hiện sinh này, cái gì đến rồi đi (sinh ra và già, chết) đều tương liên và chịu sự biến hoại. Nhưng nếu bỏ hết các chấp kiến vật hóa (reification) đi, thì không còn thấy sự tương liên và biến hoại nữa, cõi đời này và sự sinh hoạt trong đó liền trở thành Niết-bàn. Thế giới là cõi Luân hồi hay cõi Giải thoát tùy theo ta còn những chấp thủ (thiền kiến) hay đã đoạn diệt hết các chấp trong ta.

10. Trong Kinh Đạo sư dạy  
Phải diệt hữu, phi hữu  
VẬY Niết-bàn là cõi  
Không hữu cũng không vô.

Đây là chính lời của Thế Tôn dạy Vacchagotta. Sau đó, Vacchagotta xin quy y, được chấp nhận và nhanh chóng đạt Giải thoát.

Không hữu, không phi hữu là một công thức quan trọng và Nàgàrjuna nói lại điều ấy dưới hình thức phản nghịch trong bốn khúc liền:

11. Và Niết-bàn chẳng phải  
Vừa hữu lại vừa vô  
Vừa hữu và vừa vô  
Không phải là giải thoát.

12. Nếu Niết-bàn mà lại  
Vừa hữu vừa phi hữu  
Thì không không tương liên,  
Tương liên là hữu vô (thụ chấp).  
Tương liên và có thụ chấp là khởi sinh trong vòng nhân duyên của cõi đời. Ở trên đã nói, hữu cũng bị sự tương liên (Interdépendence) (khúc 6) mà phi hữu cũng tương liên (khúc 8), và cả hai phải chịu sự sinh diệt (khúc 9).

13. Làm sao là Niết-bàn  
Lại vừa hữu vừa vô?  
Niết-bàn không cấu tạo

(là vô vi)  
Hữu, vô đều cấu tạo  
(hữu vi)

Vấn biện luận theo đường ấy: Ở trong vòng nhân duyên tức là có sự hữu vi, sự cấu tạo, hay như ta nói đời nay, có một cơ cấu, và có bị sự biến hóa, sự hoại diệt khi cơ cấu bị phá hay bị hủy.

14. Niết-bàn sao có thể  
Đã hữu lại còn vô?  
Hữu vô không chung đụng  
Như ánh nắng với tối.  
Vừa hữu lại vừa vô là một sự nghịch lý như trời tối giữa trưa hè hay đang  
đêm lại có nắng.

Đối phương lập lại lý lẽ cuối cùng này của Nàgàrjuna và hỏi lại hai điều.  
Nếu Niết-bàn vừa phi hữu và phi vô (phi phi hữu) mà lập thành được, thì cái  
vừa hữu vừa vô (phi hữu) cũng lập thành được, tại sao (ông lại nói rằng)  
không?

15. Ông nói rằng Niết-bàn  
Phi hữu, phi phi hữu  
Thì hữu và phi hữu,  
Tại sao lại không được?  
Và có ai là người đã thấy được cái Niết-bàn phi hữu phi vô mà ông nói?

16. Nói rằng Niết-bàn là  
Không có lại không không  
Ai là người chứng ngộ  
Cái không có, không không?

Đến lúc quyết liệt vì đối phương đòi sự thực chứng tức là sự Chính đẳng  
Chính giác Chân đế, Nàgàrjuna phải viện dẫn chính đức Như lai, rồi nói đến  
sự chứng ngộ của chính mình.

Trước hết, đức Thế Tôn được kể ra như hiện thân của Niết-bàn, và đây có lẽ  
là lần đầu tiên mà pháp thân (dharmakaya) và báo thân (Sambhogakaya) của  
đức Phật được nói tới một cách minh bạch, trừ có những danh từ chỉ thành  
hơn một thế kỷ sau:

17. Khi đức Phật tịch diệt,  
Không biết Ngài còn, mất  
Hay vừa còn vừa mất  
Đã mất mà không mất?

18. Khi Ngài đang tại thế,  
Ngài có hay là không,  
Hay vừa có vừa không  
Hoặc không nhưng không không không?  
Và sau là Niết-bàn trong sự thực chứng của Bồ-tát Nàgàrjuna;

19. Niết-bàn với thế gian  
Không mấy may khác biệt  
Giữa thế gian, Niết-bàn  
Không một chút sai khác

20 Biên giới của Niết-bàn  
Là biên giới cõi thế;  
Không chút nào sai biệt  
Giữa hai lần giới ranh.

Những gì mà Nàgàrjuna nói ra ở đây, trong bốn khúc ngâm tụng này, sau những khúc nói về Chân đế và Tục đế (phẩm XXIV: 8,9,10), có thể nói là cốt tủy của triết học Nàgàrjuna, nên tôi muốn lưu ý quý độc giả.

Trước hết về chính bản thân đức Thế Tôn. Khi Thế Tôn tại thế, một vài môn đồ hỏi Ngài về tình trạng của Ngài sau khi Ngài diệt độ. Mỗi lần được hỏi, Ngài im lặng và chỉ một lần Ngài nói rằng “khi nào thấy Pháp thì thấy ta, khi nào thấy Ta thì thấy pháp” (Samyutta nikāya 22-87). Lúc Ngài sắp nhập Đại bát Niết-bàn, Ananda xin Ngài cho một lời chỉ giáo, Ngài cũng nói:

Này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác. (Digha-nikāya=Trường bộ XI Kinh Đại Bát Niết-bàn, 3:26)

Trong vị trí của người trần, ta có thể nghĩ rằng những lời nói quá cao siêu này của Thế tôn đã mở cửa cho tin tưởng và lý thuyết Tam thân của Phật tổ. Giống như trong các đạo khác, những cao đồ đã thành đạo, thấy pháp, và những tín đồ có lòng tin mãnh liệt rất có thể đã nhìn thấy Phật hiện ra, không những trong những thế kỷ sau khi Ngài tịch diệt, mà ngay cả đời nay giữa

chúng ta. Sự nẩy nở huy hoàng của những dòng nghệ thuật Phật giáo ở Ấn Độ, Lanka, Thái Lan, Miến Điện, Indonesia, Cambodia, Trung Á, Tibet, Mongolia, Trung Hoa, Korea, Nhật Bản, Việt Nam, với không biết bao nhiêu trăm ngàn nghệ sĩ vô danh đã tạc tượng Phật vào núi đá và lấy đá núi ra để tạc tượng Phật, đủ để chứng tỏ những ước vọng và vui mừng của những quần chúng ở giải lục địa đông đảo nhất của thế giới này.

Quan niệm “Pháp thân” (Dharma-kāya) của Phật Tổ thành hình từ đó. Bắt nguồn từ lời của Phật, nuôi dưỡng bởi lời dạy của Tăng già, hiển hình trong lòng kính tin của đại chúng vô số vạn kiếp, Pháp thân thành cái thân siêu thế của đức Phật, tràn ngập khắp không gian của sự sống và vĩnh cửu cùng với thời gian vĩnh cửu của thế giới. Pháp (Dharma/Dharma) không những là Giáo pháp mà Như lai đã dạy, mà còn là tinh túy của luật pháp thế tục và giới luật tu hành. Với hai ý nghĩa, vừa tôn giáo vừa đạo lý, Pháp thân của Như Lai là cái thân hiện hữu ở khắp nơi mà không ai trông thấy, nhưng biết hết hiểu hết (toàn giác), thương yêu hết, không bỏ một ai và không phân biệt riêng ai trong cả ba ngàn thế giới (khúc 17).

“Báo thân” (Sambhogika-kāya) của Phật Tổ là đức Phật tại thế, sau khi Ngài thành Đạo và lên đường giảng Giáo pháp mà Ngài đã lập thành. /Báo/ là hưởng. Sau khi đã thành tựu được các ước nguyện qua hằng sa kiếp tu hành bố thí và cuối cùng đạt chứng Chính đẳng Chính giác, Bò-tát trong xác thân của Thái tử Tất Đạt Đa (Siddhatta) thành Phật. Khi ấy, Ngài nhập Pháp giới (Dharmadhatu), hưởng sự trong lành và sáng lạn của Pháp giới, sự toàn giác thuần trí của Pháp giới, sự tịch tịnh yên ả của pháp giới. Và trong mấy tuần liền không rời Cõi trên (cõi phi tướng phi phi tướng và diệt thọ tướng của Thiên định) trước khi tự ý trở về cõi trần tục trong cái thân xác cũ để giảng dạy Đạo pháp vô thượng. Báo thân là cái thân hai thể, đã là Phật và vẫn là người, ở ngoài sự sinh tử nhưng vẫn già, vẫn khổ, vẫn bệnh, vẫn chết (khúc 18). Vì chúng sinh. Cho mãi mãi.

Asanga (Vô trước) và Vasubandhu (Thế Thân) sau này sẽ dạy thêm về Hóa thân (Nirmāna-kāya) để lập thành thuyết Tam Thân (Tri-kāya) của Phật tổ. Hóa thân là Ngài trước khi thành Đạo, theo nghĩa hẹp là Thái tử Siddhatta của lịch sử hay Bò-tát thác sinh, theo nghĩa rộng là tất cả những kiếp chúng sinh trong các Jakarta mà Ngài đã trải qua từ sau khi được gặp Như lai Nhiên Đăng cho đến khi từ gốc cây Bò-đề Ngài đứng dậy. Báo thân là đức Phật lịch sử đã lập ra Giới pháp và Tăng. Còn Pháp thân là Pháp tính (Dharmatā) tràn ngập khắp Pháp giới (Dharma-dhatu) để dìu dắt chúng sinh vào cõi Giải thoát qua ba thừa (Thanh văn, Bò-tát và Kim cương).

Cõi Giải thoát là Cõi mà đức Phật sau khi thành đạt Chính đẳng Chính giác đã vào rồi lại ra, rồi vào ra khi nào muốn trong năm mươi năm dạy Pháp cho Tăng già và quần chúng đau khổ ở một vực sống giữa hai con sông Grandka và Yamuda. Nó cũng là Cõi mà các môn đồ đã gặt quả Arahan của thể nhập vào khi thiền định. Niết-bàn là tên Đức Thế Tôn đã dùng để gọi Cõi giải thoát. Nàgàrjuna giảng về Niết-bàn như đã được thực chứng và những lời của Bồ-tát nói vang lên một cách bất ngờ kỳ diệu rằng “Niết-bàn với thế gian là một là không phải là hai cõi địa ký khác nhau”.

Sự khái thị này chấm dứt những giả thuyết cho rằng người ta phải rời hẳn khỏi cõi Hiện sinh, cả tâm lẫn thân, để nhập vào cõi Niết-bàn, như trong Brahma-Hindu giáo hay Islam giáo, phải chết đi thì atman hay linh hồn của mình mới bay lên và nhập vào cõi Trên của Chúa Trời Brahma và Allah. Cũng chấm dứt những ước vọng mộng mị của những nhà cách mạng vị thành niên, muốn tạo dựng Niết-bàn dưới thế. Niết-bàn là cõi thế, không cần phải với tay lên mà kéo nó xuống, Niết-bàn là ngay đây, chỗ này, và khắp mọi nơi, Tây phương, Đông phương Bắc phương, Nam phương, Trung phương cũng như Địa ngục.

Nàgàrjuna đã thuyết minh từng bước dần dần cho chúng ta thấy rõ để quyết tâm đoạn diệt với những tàn độc phi lý vô nghĩa của sự hiện sinh mà tìm sự giải thoát ngay tại đây, ngay bây giờ và có được sự tĩnh tịnh an lạc vô biên của Niết-bàn.

Phẩm II, Bồ-tát giảng rằng không có sự di động cũng không có sự an trụ . Trên cõi sống của ta, chúng ta đều thấy, chỉ có sự rầy rụa, sự vùng vẫy, sự ngược xuôi không đi đến đâu. Nhưng Niết-bàn không ở đâu khác là khắp chung quanh ta và với những người thân của ta, các người đang cùng sống với ta, mà không ai, trong sự ngộ nguây, khuấy động liên tục của cuộc đời, có thể thấy được.

Phẩm XXIV (Quán Thánh đế), sau khi giảng về hai Chân lý trong giáo pháp (Tục đế và Chân đế), Bồ-tát lại nói thêm:

10. Phải y cứ Tục đế,  
Mới ngộ được Chân đế,  
Không chứng được Chân đế,  
Không thể có Giải thoát.

Tục đế là Chân lý của thế gian, tức là Không tính và sự tương liên của vạn pháp. Chân đế là chân lý thâm sâu, tối cao, tối hậu, ở ngoài sự diễn tả nhị

nguyên của ngôn ngữ thế tục, mà chỉ những ai đã trút bỏ được các ác căn, các chấp kiến, các lậu hoặc, mới thấy được cái Thực không vị kỷ như Chân, cái đẹp siêu thế vô ích.

Nhưng Tục đế và Chân đế không cách biệt, không riêng rẽ. Phải dựa vào Tục đế mới thấy được Chân đế; rời bỏ được hư vô chủ nghĩa và tự hữu chủ nghĩa, bước lên cái bậc của Trung quán thì mới chứng được Chân đế mà thực hiện được Niết-bàn trong tâm. Vì Trung quán không phải theo thông lệ là con đường ở giữa. Trung quán là con đường giữa và ở trên, vượt ra ngoài và lên trên mặt đường thế tục, sau khi đã biết rằng tất cả những gì ta thấy đều Không và Không cũng là Không (XXIV, 18).

Đến phẩm này (XXV) quán Niết-bàn, Nàgàrjuna mới đi vào sự giải thích rõ ràng có Niết-bàn, và Niết-bàn với cõi Samsara không có một mảy may khác biệt. Cũng không cần phải rời cõi thế này để sang cõi Giải thoát. Hai cõi là một, chung một biên giới. Cõi thế là cõi hiện sinh của ta, trong đó ta sống, ta làm việc, ta lo lắng và vui chơi, ta yêu, ta ghét và hờn giận và uất ức và hy vọng và ước mong. Cái ta bao trùm cả nhân gian và mọi vật, mọi sự được nhờ cho một tự hữu phản ảnh của ngã. Lột cái màn che phủ ấy đi, thấy tất cả đều Không, đó là Chân đế, là Chân không, là Niết-bàn. Niết-bàn là trong tâm. Niết-bàn ở khắp mọi nơi. Niết-bàn là cõi thế.

Bồ-tát có vào Niết-bàn không? Bồ-tát không vào Niết-bàn. Bồ-tát ở cõi thế cho đến khi nào hết sự khổ đau trên nhân gian. Bồ-tát chối Niết-bàn để ở cõi thế toàn thân toàn thể, chịu sự khổ đau thay cho chúng sinh hay cứu độ những người oan khổ. Sau Nàgàrjuna, Asanga (Vô trước) sẽ giảng Niết-bàn Vô trú. Niết-bàn Vô trú (Apratishthita Nirvāna) là Niết-bàn của Báo thân Như lai và của Quán Thế Âm Bồ-tát. Niết-bàn Vô trú chỉ có thể có nếu Niết-bàn và thế gian là một.

## 21. Kiến giải sau khi chết

Về hữu biên, vô biên  
Về thường trụ, bất biến  
Niết-bàn, đều sai hết.

## 22. Hữu biên hay vô biên

Vừa hữu lại vừa vô,  
Vô hữu lại vô vô,  
Không tính xóa đi cả.

23. Đồng nhất hay dị biệt  
Thường tại hoặc vô thường  
Vừa thường vừa vô thường  
Không thường, không vô thường.

24. Trị bình mọi lý thuyết  
Diệt trừ mọi ảo huyền,  
Không bao giờ, ở đâu,  
Đức Phật nói một câu.

Bốn khúc cuối cùng của Phẩm Quán Niết-bàn nhắc lại những chấp kiến về vật chất và về thế giới, những chấp kiến mà đức Phật đã kê ra trong kinh Brahmajalasutta (Digha-Nikàya 2) nhưng im lặng không giảng khi các môn đồ nêu lại và hỏi. Thế giới và vạn pháp là Tục đế với cái màn vô minh phủ lên, dày đặc với những ảo kiến mà cả triệu năm làm người đã dựng lên trong xã hội, trong ngôn ngữ, trong tâm trí, đến cả trong tiềm thức và súc sinh thức. Niết-bàn cũng không khác, vì Niết-bàn với Sa bà là một, không mảy may dị biệt. Sa bà là Không, Niết-bàn cũng là Không và ở một tầng siêu thế, là Chân không.

Vì thế nên nói rằng trong năm mươi một năm tại thế giảng Giáo pháp cho người đời, đức Phật đã nói hết mà chưa hề nói một câu.

*Chú thích:*

*Bản Hán văn của Trung luận theo Cưu-ma-la-thập được in lại đầy đủ trong Trung luận (Madhyamakakàrikà) của Thích Viên Lý (Viện triết lý Việt Nam & Triết học thế giới xuất bản 1994). Mọi đối chiếu phải trở về gốc là bản ấy. Tôi chép lại Niết-bàn Phẩm, đệ nhị thập ngữ, theo âm Hán Việt mà xin cảm ơn vị hữu học ẩn danh đã duyệt lại bản phiên âm (đánh số thêm để dễ so sánh)*

*Trong việc dịch và giảng Trung quán Ngâm khúc của Nàgàrjuna, tôi còn dựa vào bản dịch Anh văn từ bản Tibet-ngữ (Jay T. Garfield-The Fundamental Wisdom of the Middle Way, Oxford University Press 1995) và sách của Murti (là học trò của Ramakrisman) giảng theo bản Sanskrit-ngữ. Các điều sai biệt là do ý kiến riêng.*



## HẾT

---

<sup>i</sup> Laplace (1749-1827) nói với Napleon: “Thưa Hoàng Thục (trong khoa học) chúng tôi không cần đến giả thuyết Tạo hóa”

<sup>ii</sup> Đó là ý nghĩa của lời đức Phật: người ta nhìn thấy các pháp như thực. Niết-bàn là cõi Chân như trong đó người ta thấy cái Chân thực Chân mỹ bằng chân tâm và được hưởng chân hạnh phúc không tương liên, tương đối và vô chấp.

Trích: Khuông Việt